

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-PT  
Ngày 26 tháng 02 năm 2026  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Huyền.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Khắc Chiên

Bà Điều Thị Bích Lược.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:* Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 43/2025/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 19/2025/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2026/QĐXXPT - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thu H, sinh năm 1994; ĐKKH: Khu T, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (Nay là Khu T, phường P, tỉnh Phú Thọ). Nơi ở hiện nay: Số nhà B, ngõ A, phố N, phường A, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; ĐKKH: Khu T, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (Nay là Khu T, phường P, tỉnh Phú Thọ). Nơi ở hiện nay: Đường C, phường P, tỉnh Phú Thọ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 và ông Ngô Anh T1, sinh năm 1962 – Luật sư thuộc Công ty L - Đoàn luật sư tỉnh P.

- Ông Nguyễn Phương V, sinh năm 1981 – Luật sư Công ty L1 – Đoàn luật sư thành phố H.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng thương mại cổ phần C1 Chi nhánh thị xã P. Địa chỉ: Số A, đường P, phường P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Ngọc H1 – Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Q – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Hùng Vương

2. Công ty TNHH T10. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Minh T – Giám đốc. Địa chỉ: Đường C, phường P, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, anh T, ông B, ông T, ông V có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng chị Lê Thu H trình bày: Vợ chồng chị kết hôn ngày 18/12/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND phường P, tỉnh Phú Thọ), do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà đi thuê. Năm 2015, vợ chồng mua đất, làm nhà và chuyển đến sống tại khu H, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là khu H, phường P, tỉnh Phú Thọ). Khoảng 01 năm sau khi kết hôn, vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, có nhiều lúc anh T đánh chửi chị. Gia đình hai bên động viên nhưng vợ chồng vẫn thường mâu thuẫn. Từ đầu năm 2025, mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Cuối tháng 6/2025, chị và các con đã ra ngoài thuê nhà để sống, vợ chồng ly thân. Tại phiên tòa, chị khẳng định mâu thuẫn vợ chồng không liên quan đến người giúp việc, chị không bị người giúp việc tên Cát Thị Phương T2 thao túng tâm lý và cho Hội đồng xét xử xem tin nhắn trao đổi qua mạng xã hội giữa anh Nguyễn Minh T với chị Cát Thị Phương T2. Nay chị thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên kiên quyết xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2013, Nguyễn Hương T3, sinh ngày 06/12/2015, Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/5/2018, hiện sống cùng chị. Tại phiên tòa, chị xin nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh T có đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng anh chị thì chị cũng đồng ý. Chị thừa nhận vợ chồng có tài sản chung được ghi trong biên bản hòa giải ngày 27/8/2025. Ngày 29/8/2025, chị và anh T đã thống nhất chỉ đề nghị TAND khu vực 2 – Phú Thọ phân chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng đối với thửa đất số 35-CL29, tờ bản đồ số: Quy hoạch đấu giá ven đường 35m, diện tích 120m<sup>2</sup> địa chỉ: khu H, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là khu H, phường P, tỉnh Phú Thọ), trên đất có 01 nhà xây 04 tầng có giá trị 5,1 tỷ. Vợ chồng chị đã dùng nhà, đất trên để thế chấp cho Công ty T11 (Công ty của chị và anh T) để vay vốn Ngân hàng TMCP C1 Chi nhánh thị xã P, số tiền là 4.017.000.000đ. Các tài sản khác đã kê khai chị và anh T thống nhất rút đề nghị không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản để hai bên tự thỏa thuận. Hiện tại chị và anh T đã tự đến Sở công thương tỉnh P chuyển Công ty TNHH T10 cho anh T sở hữu 100% cổ phần, và là tài sản riêng của anh T. Giữa anh T và chị không còn nợ liên quan đến việc phân chia cổ phần của Công ty TNHH T10. Sau đó Công ty TNHH T10 đã trả hết nợ cho ngân hàng và ngân hàng đã trả lại tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 35-CL29, tờ bản đồ số: Quy hoạch đấu giá ven đường 35m cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này cho anh T. Sau đó chị và anh T nhất trí rút, không đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng đối với thửa đất số 35-CL29, tờ bản đồ số: Quy hoạch đấu giá ven đường 35m để hai bên tự thỏa thuận với nhau. Đối với Công ty TNHH T12 là tài sản riêng của chị và hai bên đã tự làm văn bản thỏa thuận tại Phòng C2. Vì thế vấn đề tài sản chung, nợ chung hai bên đã giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Bị đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày:* Anh thừa nhận lời trình bày của chị H là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, công nợ chung. Mâu thuẫn của vợ chồng anh phát sinh từ khoảng năm 2020 - 2021 do bất đồng quan điểm. Khi tranh cãi nhau, do nóng giận nên có lời lẽ xúc phạm nhau. Anh vẫn yêu thương vợ con nên mong muốn đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh cho rằng các lần hòa giải tại Tòa án anh đồng ý ly hôn vì bị rối trí, chị H bị người giúp việc gia đình anh là Cát Thị Phương T2 thao túng tâm lý nên muốn ly hôn, anh đề nghị chia tài sản vì sợ người giúp việc lợi dụng việc chị H tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của vợ chồng. Tại phiên tòa, anh kiên quyết không đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2013, Nguyễn Hương T3, sinh ngày 06/12/2015, Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/5/2018, hiện sống cùng chị H. Tại phiên tòa, anh xin nuôi cả 03 con, và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Các con không muốn về sống cùng anh do bị thao túng tâm lý và thừa nhận do bận việc nên anh không quan tâm, chăm sóc con đầy đủ. Chị H đã giao cháu K cho anh chăm sóc, nhưng chỉ được vài hôm thì cháu lại về với chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết ban đầu, anh đề nghị Tòa án giải quyết nhưng do đã tự thỏa thuận thống nhất giải quyết xong với chị H và Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 - Chi nhánh thị xã P nên anh hoàn toàn nhất trí với trình bày và đề nghị của chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chi phí thẩm định tài sản, anh đã tự nộp và xin chịu toàn bộ, không yêu cầu chị H thanh toán lại cho anh  $\frac{1}{2}$ .

*Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp cho bị đơn, luật sư Nguyễn Văn B trình bày:*

Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T chị H xuất phát từ việc chị H bị người giúp việc là chị Cát Thị Thương T4 (đến giúp việc cho gia đình anh chị từ tháng 9/2024) thao túng tâm lý dẫn đến muốn ly hôn. Tại phiên tòa, anh T đề nghị Tòa án không giải quyết cho anh chị ly hôn để anh chờ chị H tỉnh ngộ và nghĩ lại. Ngày 28/9/2025, anh Nguyễn Thành Đ là người trong họ tộc của anh T đã có đơn trình báo gửi Công an tỉnh P đề nghị điều tra xác minh hành vi của chị Cát Thị Phương T5 là người giúp việc trong gia đình anh T có nghi vấn dùng tà đạo lạ để thao túng tâm lý, liên quan đến vụ án hôn nhân của anh T và chị H. Ông B cho HĐXX xem một đoạn video có cảnh anh T đang quỳ lạy và xin lỗi một người phụ nữ. Do đó, ông B đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự, ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Lê Thu H và anh Nguyễn Minh T.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần C1 - chi nhánh thị xã P, đại diện theo uỷ quyền là ông Lê Văn Q vắng mặt đã trình bày:*

Ngày 23/09/2024 Công ty TNHH T10 có ký hợp đồng cho vay hạn mức số 1309/2024-HDCVHM/NHCT244 với Ngân hàng TMCP C1 chi nhánh T. Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 đ (Mười tỷ đồng chẵn). Thời hạn cho vay: 23/09/2024 đến 23/09/2025. Mục đích cho vay: Bổ sung Vốn lưu động kinh doanh sơn, vật liệu xây dựng các loại Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại: 7.5 % /năm.

Tài sản thế chấp: Ngày 15/01/2024 ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thu H có thế chấp tài sản là 01 nhà xây 4 tầng và toàn bộ tài sản gắn liền quyền sử dụng đất

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 120m (Một trăm hai mươi mét vuông). Vị trí: Thửa đất số: 35-CL29; Tờ bản đồ số: Quy hoạch đấu giá ven đường 35m. Địa chỉ thửa đất: xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 605248 do UBND Thị xã P cấp ngày 25/03/2015, số vào sổ cấp GCN: CH 000071. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1101/2024/HĐBĐ NHCT244 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp. Giá trị định giá tài sản: 6.700.000.000đ (Sáu tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn). Giá trị cấp tín dụng tối đa: 4.950.000.000đ (Bốn tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Ngày 15/9/2025, Công ty TNHH T10 đã trả hết nợ gốc, lãi cho ngân hàng và ngân hàng đã trả lại tài sản thế chấp là thửa đất số 35-CL29, tờ bản đồ số: Quy hoạch đấu giá ven đường 35m cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này cho anh T. Vì thế hiện tại ngân hàng không còn liên quan trong vụ án này nữa.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty T11 do ông Nguyễn Minh T – Giám đốc trình bày:*

Công ty TNHH T10 có ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng TMCP C1 chi nhánh thị xã P vào ngày 23/9/2024. Tài sản đảm bảo khoản vay là thửa đất số: 35-CL29; Tờ bản đồ số: Quy hoạch đấu giá ven đường 35m, thuộc xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ) là tài sản của anh Nguyễn Minh T, chị Lê Thu H. Anh và chị H đã tự thỏa thuận chuyển Công ty TNHH T10 cho anh sở hữu 100% cổ phần, và hiện là tài sản riêng của anh. G và chị H hiện không còn nợ nhau gì nữa. Công ty TNHH T10 của anh hiện đã trả hết nợ cho ngân hàng và ngân hàng đã trả lại tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 35-CL29, tờ bản đồ số: Quy hoạch đấu giá ven đường 35m và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này cho anh. Vì thế hiện tại Công ty TNHH T10 không còn nợ ngân hàng, không liên quan đến tài sản công nợ chung của anh và chị H.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 19/2025/HNGĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thu H và anh Nguyễn Minh T được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thu H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn H, sinh ngày 06/12/2015 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/5/2018. Giao cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2013. Các con chung hiện sống cùng chị H. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự rút đề nghị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.



*Kháng cáo:* Ngày 30 tháng 9 năm 2025 chị Lê Thu H – Là nguyên đơn kháng cáo một phần đối với Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2025/HNGĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm theo hướng sửa lại bản án sơ thẩm số: 19/2025/HNGĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ, giao cả 03 con cho chị H trực tiếp nuôi (chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu Tòa án tiến hành giám định tâm thần đối với bị đơn để đảm bảo khách quan. Ghi nhận tình tiết vụ không tại phiên tòa làm căn cứ xem xét lại tư cách và đạo đức của người nuôi con.

Ngày 13 tháng 10 năm 2025 anh Nguyễn Minh T6 – Là bị đơn, kháng cáo đối với bản án Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2025/HNGĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm số: 19/2025/HNGĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ và quyết định các nội dung sau:

- + Xem xét và quyết định ngôi nhà 04 tầng trên thửa đất số 35-CL29, tờ bản đồ QH khu nhà ở và dịch vụ ven đường 35m, diện tích 120m<sup>2</sup> tại khu nhà ở CL29, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 605248 ngày 25/3/2015 mang tên anh Nguyễn Minh T thuộc quyền sở hữu riêng của anh Nguyễn Minh T.

- + Xem xét và quyết định việc hôn nhân của vợ chồng anh T vì có sự can thiệp của chị Cát Thị Phương T5 dẫn đến hạnh phúc gia đình anh bị tan vỡ.

- + Nếu Tòa án quyết định việc ly hôn thì quyết định cho anh T được nuôi 2 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2013, cháu Nguyễn Hương T3, sinh ngày 06/12/2015 hoặc cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/5/2018 vì anh T có đủ khả năng nuôi dạy các cháu khôn lớn, trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T có quan điểm đề nghị: Đối với giám định tâm thần không có căn cứ pháp luật, anh T không có hồ sơ điều trị bệnh lý, không phải dùng thuốc... không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lê Thu H rút một phần kháng cáo đối với các nội dung: Giám định tâm thần đối với bị đơn để đảm bảo khách quan; xem xét lại tư cách và đạo đức của người nuôi con. Giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 03 con chung cho chị nuôi dưỡng. Không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Minh T7 toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308, điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị H2; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của anh Nguyễn Minh T (rút đơn

kháng cáo); Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ.

Án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi xem xét diễn biến tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhận định như sau:*

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Lê Thu H và anh Nguyễn Minh T trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Lê Thu H – Là nguyên đơn. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm theo hướng sửa lại bản án sơ thẩm số: 19/2025/HNGĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ, giao cả 03 con cho chị H trực tiếp nuôi (chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu Tòa án tiến hành giám định tâm thần đối với bị đơn để đảm bảo khách quan. Ghi nhận tình tiết vụ không tại phiên tòa làm căn cứ xem xét lại tư cách và đạo đức của người nuôi con; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét nội dung kháng cáo của chị Lê Thu H3 nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét giám định tâm thần đối với bị đơn để đảm bảo khách quan; xem xét lại tư cách và đạo đức của người nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lê Thu H rút yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đối với các nội dung này.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Lê Thu H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét giao cả 03 con cho chị H trực tiếp nuôi, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống chị Lê Thu H và anh Nguyễn Minh T 03 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2013; Nguyễn Hương T3, sinh ngày 06/12/2015; Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/5/2018; hiện sống cùng chị H. Nguyên vọng của 03 cháu là mong muốn được sống cùng chị H khi bố mẹ ly hôn. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại các buổi hòa giải, ngoài việc thống nhất thuận tình ly hôn, chị H và anh T cũng thỏa thuận, anh T nuôi cháu K còn chị H nuôi cháu T3 và cháu C, không ai phải đóng góp nuôi con chung. Tuy nhiên, sau đó anh T thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh xin nuôi thêm 01 cháu. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của anh T, chị H đều là chính đáng. Chị H và anh T đều là người kinh doanh tự do, có doanh nghiệp tư nhân, có thu nhập. Anh T1 và chị H đều sở hữu nhiều tài sản là bất động sản tại địa phương, anh chị đều đủ điều kiện để chăm lo vật chất và tinh thần cho các con. Tuy nhiên, khi xem xét để giao con, thấy rằng trong suốt quá trình tố tụng và sự thỏa thuận của anh T1 chị H tại các buổi hòa giải là phù hợp về vấn đề chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2013 (Là con trai) cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hương T3, sinh ngày 06/12/2015 cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/5/2018 (Cháu T8 cháu C đều là con gái), tuổi còn nhỏ, cần đến sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy, kháng cáo của chị Lê Thu H đề nghị

Hội đồng xét xử giao cho chị 03 con chung để chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không đề nghị anh T1 cấp dưỡng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3]. Đối với các nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Minh T – Là bị đơn. Tại phiên tòa anh Nguyễn Minh T đã rút toàn bộ kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và Đình chỉ đối với các nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Minh T theo điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thu H. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 19/2025/HNGĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ

[4]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị Lê Thu H và anh Nguyễn Minh T9 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ toàn bộ kháng cáo của anh Nguyễn Minh T. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thu H. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 19/2025/HNGĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thu H và anh Nguyễn Minh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn H, sinh ngày 06/12/2015 và cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/5/2018. Giao cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2013. Các con chung hiện sống cùng chị H. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự rút đề nghị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Xác nhận anh Nguyễn Minh T đã tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu Tòa án xem xét đối với chi phí thẩm định tài sản và đã nộp đủ số tiền trên.

5. Về án phí:

-Án phí sơ thẩm: Chị Lê Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002779 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ (Nay là

Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Phú Thọ). Chị Lê Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Minh T 61.230.000đ (Sáu mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản theo biên lai số 0001669 ngày 25/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

-Án phí phúc thẩm:Chị Lê Thu H phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị H4 nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0002560 ngày 30/9/2025tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Phú Thọ.

Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh T đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003402 ngày 13/10/2025tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Phú Thọ.

*Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- TAND khu vực 2 – Phú Thọ;
- PhòngTHADS khu vực 2 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thu Huyền**